



# Khung chính sách, pháp luật về năng lượng tái tạo của Cộng hòa Liên bang Đức và hàm ý chính sách cho Việt Nam

LÊ THỊ PHƯƠNG

*Viện Nhà nước và xã hội,*

*Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam*

Tại COP 26, Việt Nam đã cam kết sẽ xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính mạnh mẽ bằng nguồn lực của mình, cùng với sự hợp tác, hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, cả về tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó có thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris, để đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Để đạt được mục tiêu trên, Việt Nam xác định một trong những giải pháp hữu hiệu cần thực hiện là phát triển năng lượng tái tạo (NLTT), từng bước giảm bớt năng lượng hóa thạch truyền thống, hướng tới giảm lượng phát thải CO<sub>2</sub>. Thời gian qua, Việt Nam đã từng bước hoàn thiện hệ thống các cơ chế, chính sách cho phát triển NLTT. Tuy nhiên, khung chính sách, pháp luật mới dừng lại ở các quy định mang tính định hướng, nguyên tắc, còn nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau, chưa có hành lang pháp lý đủ mạnh để khai thác được tiềm năng phát triển NLTT của Việt Nam, thúc đẩy triển khai thực hiện có hiệu quả trên thực tế. Trong bối cảnh trên, việc nghiên cứu, hoàn thiện khung chính sách pháp luật về NLTT tại Việt Nam dựa trên kinh nghiệm quốc tế là vấn đề cần thiết trong giai đoạn hiện nay, góp phần xây dựng một hệ thống pháp luật về NLTT phù hợp, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Bài viết giới thiệu và phân tích khung pháp luật về phát triển NLTT của Cộng hòa Liên bang Đức, từ đó đề xuất một số giải pháp mang tính gợi mở cho Việt Nam.

## PHÁP LUẬT VỀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO CỦA CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Cộng hòa Liên bang Đức được biết đến là một trong những quốc gia thành công trong phát triển NLTT trên thế giới hiện nay. NLTT được Chính phủ Đức coi là cốt lõi của quá trình chuyển đổi năng lượng của quốc gia. Tỷ lệ NLTT trong tổng sản lượng điện năm 2021 của Đức là 41,1%, trong đó gió trên bờ chiếm 15,7%; điện mặt trời 8,8%; sinh khối 6,8%; gió ngoài khơi chiếm 4,3% và thủy điện 3,4%. Trong những năm gần đây, năng lượng gió đã trở thành nguồn tăng trưởng chủ đạo trong sản xuất NLTT ở Đức. Vào năm 2021, năng lượng gió trên đất liền và ngoài khơi đóng góp 48,8% sản lượng điện của Đức [7]. Chính sách và pháp luật về NLTT ở Đức chủ yếu được điều chỉnh bởi Luật Năng lượng (EnWG) [10] và Luật NLTT (EEG) [9] do Chính phủ Liên bang quy định.

Theo Luật Năng lượng (EnWG), phát triển NLTT ở Cộng hòa Liên bang Đức nhằm 3 mục đích: (1) Đảm bảo cung cấp điện, khí đốt và hydro an toàn, rẻ, thân thiện với người tiêu dùng, hiệu quả nhất, tương thích với môi trường và trung hòa khí nhà kính cho công chúng; (2) Quy định mạng lưới cung cấp điện, khí phải phục vụ mục tiêu bảo đảm cạnh tranh, hoạt động hiệu quả, tin cậy trong dài hạn; (3) Chuyển đổi và thực hiện Luật Cộng đồng châu Âu trong lĩnh vực cung cấp năng lượng nổi lưới.

Điều chỉnh trực tiếp đối với NLTT và đưa ra các chính sách nhằm thúc đẩy phát triển NLTT là Luật NLTT (EEG). Đạo luật này có 3 mục đích chính: (1) Đặc biệt vì lợi ích của khí hậu và BVMT, chuyển đổi sang nguồn cung cấp điện bền vững và trung hòa khí nhà kính hoàn toàn dựa trên NLTT; (2) Để đạt được mục tiêu trên, tỷ lệ điện năng được tạo ra từ NLTT trong tổng tiêu thụ điện trên lãnh thổ Cộng hòa Liên bang Đức, bao gồm cả vùng đặc quyền kinh tế của Đức (lãnh thổ liên bang), sẽ được tăng lên ít nhất 80% vào năm 2030; (3) Việc mở rộng NLTT cần thiết để đạt được mục tiêu 80% trên tổng số điện năng tiêu thụ trên toàn bộ lãnh thổ phải ổn định, tiết kiệm chi phí, thân thiện với môi trường và phù hợp với lưới điện (Điều 1 EEG).

*Chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư phát triển NLTT*

Chính phủ Liên bang đóng vai trò tích cực trong việc phát triển các dự án NLTT ở Đức và tìm cách khuyến khích việc sản xuất điện từ các nguồn NLTT. Cụ thể, EEG là công cụ chính để thúc đẩy đầu tư và bán điện từ các nguồn tái tạo. Đặc biệt, EEG quy định một hệ thống chi trả cho điện được tạo ra từ NLTT, được quy định từ Điều 19 đến Điều 27 EEG, trong đó quy định rõ về các hình thức trợ cấp (Quyền được thanh toán, phí bảo hiểm thị trường...) và các quy định hướng dẫn thanh toán cho các nhà cung cấp điện.

*Lưu trữ NLTT*

Xuất phát từ đặc trưng của NLTT là không ổn định do phụ thuộc vào thời tiết, có những thời điểm trong ngày NLTT cung cấp dư thừa điện hoặc có thời điểm không đủ điện cung cấp theo nhu cầu của thị trường. Chính vì vậy, hoạt động lưu trữ điện được Chính phủ Đức hết sức quan tâm. Hoạt động của một cơ sở lưu trữ năng lượng được điều chỉnh bởi quy định năng lượng, đáng chú ý nhất là Đạo luật Năng lượng. Việc xây dựng cơ sở lưu trữ pin cần có giấy phép xây dựng, tùy thuộc vào công nghệ lưu trữ được sử dụng, ví dụ như lưu trữ pin, lưu trữ năng lượng thành khí, lưu trữ khí nén và lưu trữ bơm mà quy định về điều kiện cấp phép là khác nhau. Chẳng hạn, cơ sở lưu trữ năng lượng thành khí



đốt hoặc nhà máy hydro yêu cầu giấy phép theo Luật Bảo vệ chống lại các tác động môi trường có hại do ô nhiễm không khí, tiếng ồn, độ rung và các quá trình tương tự. Các cơ sở lưu trữ khí nén có thể yêu cầu giấy phép theo Đạo luật Khai thác Liên bang (BBergG) và các cơ sở lưu trữ được bơm thường yêu cầu quy trình phê duyệt kế hoạch theo Đạo luật Nước bao gồm đánh giá tác động môi trường.

Một cách khác để lưu trữ điện từ NLTT là chuyển đổi thành khí (power-to-gas), đặc biệt là hydro, linh hoạt trong việc sử dụng về thời gian và địa điểm. Khung pháp lý cụ thể cho việc sản xuất, vận chuyển và lưu trữ “hydro xanh” ra đời vào năm 2021. Đạo luật Năng lượng sửa đổi lần đầu tiên điều chỉnh việc xây dựng cơ sở hạ tầng hydro, bao gồm các đường ống và cơ sở lưu trữ cũng như quyền tiếp cận không phân biệt đối xử với các cơ sở đó.

Từ việc phân tích khung pháp luật về phát triển NLTT của Cộng hòa Liên bang Đức cho thấy, NLTT là vấn đề trọng yếu được Chính phủ Đức quan tâm, thể hiện ở việc ban hành đạo luật riêng về NLTT, bên cạnh đạo luật về năng lượng nói chung. Việc ban hành một đạo luật riêng về NLTT đã tạo nên chỉnh thể thống nhất về quan điểm, chính sách, quy phạm pháp luật điều chỉnh đối với hoạt động đầu tư, khai thác, sử dụng NLTT hướng tới mục tiêu phát triển NLTT trong thời gian tới. Các quy định này bao gồm hệ thống quy định về lựa chọn nhà thầu, chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư và sử dụng NLTT, về giá bán điện, lưu trữ điện... Có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm của Đức trong quá trình ban hành pháp luật về NLTT như sau:

*Thứ nhất*, việc ban hành một đạo luật riêng về NLTT, bên cạnh các đạo luật về năng lượng hoặc điện lực nói chung và có cơ chế chính sách riêng biệt để khuyến khích, thúc đẩy phát triển loại hình năng lượng này là thực sự cần thiết. Bởi lẽ, NLTT là nguồn năng lượng thân thiện với môi trường, lại phụ thuộc lớn vào điều kiện thời tiết, cần một nguồn lực tài chính lớn để đầu tư... vì vậy, cần một cơ chế chính sách riêng biệt để điều chỉnh hoạt động sản xuất đầu tư kinh doanh, sử dụng loại hình năng lượng đặc biệt này.

*Thứ hai*, việc xác định rõ mục đích của luật về NLTT sẽ là kim chỉ nam, mang tính định hướng cho tất cả các quy định trong luật này.

*Thứ ba*, chính sách hỗ trợ giá trực tiếp vào giá mua điện của Chính phủ (giá FIT) chỉ có ý nghĩa trong giai đoạn đầu nhằm đẩy nhanh chuyển đổi sang NLTT. Tuy nhiên, về lâu dài, việc xây dựng chính sách giá điện theo cơ chế thị trường, hướng tới thúc đẩy đầu tư phát triển NLTT, tạo động lực để các chủ đầu tư, nhà sản xuất năng lượng sản xuất và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả là cần thiết trong tương lai.

*Thứ tư*, xây dựng một cơ chế khuyến khích, thúc đẩy nhà đầu tư có phương án lưu trữ điện trong trường hợp

NLTT dư thừa và cung cấp trở lại lưới điện trong trường hợp nguồn điện NLTT thiếu hụt, từng bước giảm sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng truyền thống là nội dung quan trọng, mang tính cốt lõi, góp phần ổn định NLTT của Cộng hòa Liên bang Đức, góp phần đạt được mục tiêu dẫn thay thế năng lượng truyền thống của nước này trong Luật NLTT.

## HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

Việc ưu tiên phát triển NLTT là quan điểm nhất quán của Đảng và Chính phủ. Quy hoạch điện VIII đã đặt mục tiêu đạt tỷ lệ NLTT cho phát điện từ 30,9 - 39,2% vào năm 2030 và tăng lên 67,5 - 71,5% vào năm 2050... Các mục tiêu trong Quy hoạch điện VIII đáp ứng mục tiêu tăng trưởng xanh đặt ra trong Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; đáp ứng cam kết của Việt Nam tại COP26 và các thỏa thuận quốc tế nhằm đạt mục tiêu Net Zero vào năm 2050 cũng như Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 tại Quyết định số 896/QĐ-TTg và phù hợp với Tuyên bố chính trị thiết lập Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) với Việt Nam của các đối tác quốc tế.

Để hiện thực hóa chiến lược phát triển năng lượng sạch/NLTT, thời gian qua, Đảng và Chính phủ đã quan tâm xây dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống các cơ chế, chính sách cho phát triển NLTT. Hệ thống quy phạm pháp luật về phát triển NLTT của Việt Nam được quy định ở nhiều văn bản khác nhau như: Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010, Luật Điện lực năm 2004 và năm 2012, Luật Đầu tư năm 2020, Luật BVMT năm 2020... Bên cạnh các văn bản luật trên, còn có các hướng dẫn thi hành của Chính phủ như: Nghị định số 137/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành nhiều Quyết định nhằm định hướng và phát triển NLTT gồm: Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam, Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam, Quyết định số 2068/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển NLTT của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050, Quyết định số 428/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến 2030 và các cơ chế chính sách khuyến khích về NLTT...

Với tư cách là Bộ chủ quản, quản lý về năng lượng, Bộ Công Thương cũng đã ban hành nhiều văn bản nhằm



đẩy mạnh phát triển NLTT như: Thông tư số 32/2014/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự xây dựng, áp dụng biểu giá chi phí tránh được và ban hành hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ, Thông tư số 32/2015/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sử dụng chất thải rắn, Thông tư số 44/2015/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phát triển dự án, Biểu giá chi phí tránh được và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối, Thông tư số 54/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương bãi bỏ Điều 7 của Thông tư số 44/2015/TT-BCT quy định về phát triển dự án, Biểu giá chi phí tránh được và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối, Thông tư số 02/2019/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió, Thông tư số 18/2020/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời...

Ngoài ra, cơ chế khuyến khích phát triển NLTT được thể hiện trong nhiều văn bản luật như: Luật Điện lực, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Luật BVMT, Luật Đầu tư. Cụ thể:

Tại Khoản 4 Điều 4, điểm c khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 29, Điều 60 Khoản 4 Luật Điện lực quy định: Chính sách phát triển điện lực là đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng mới, NLTT để phát điện; có chính sách ưu đãi đối với dự án đầu tư phát triển nhà máy phát điện sử dụng các nguồn năng lượng mới, NLTT. Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích tiết kiệm điện bằng các chính sách Dự án đầu tư phát triển nhà máy phát điện sử dụng các nguồn năng lượng mới và NLTT được hưởng ưu đãi về đầu tư, giá điện và thuế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Về chính sách giá điện, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển điện lực có lợi nhuận hợp lý, tiết kiệm tài nguyên năng lượng, sử dụng các dạng năng lượng mới, NLTT không gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động điện lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là ở nông thôn, miền núi, hải đảo. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng lưới điện hoặc các trạm phát điện sử dụng năng lượng tại chỗ, năng lượng mới, NLTT để cung cấp điện cho vùng nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo [3].

Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010 đã quy định: Phát triển NLTT phù hợp với tiềm năng, điều kiện của Việt Nam góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, BVMT (Khoản 3 Điều 5); Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ưu tiên phát triển hợp lý công nghệ năng lượng sạch, nâng cao tỷ trọng sử dụng NLTT (Khoản 1c Điều 6); Khuyến khích

sản xuất, sử dụng nguồn năng lượng tại chỗ bằng sức nước, sức gió, ánh sáng mặt trời, khí sinh học, phụ phẩm nông nghiệp và các nguồn NLTT khác (Khoản 2 Điều 24); Nhà nước khuyến khích hộ gia đình thực hiện các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả sau đây: Sử dụng vật liệu cách nhiệt, thiết bị gia dụng là sản phẩm tiết kiệm năng lượng; tăng cường sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng NLTT (Khoản 2 Điều 27) [4].

Tại Khoản 3 Điều 5 Luật BVMT năm 2020 quy định, khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và NLTT; phát triển hạ tầng kỹ thuật BVMT. Bên cạnh đó, Khoản 2 Điều 64 chỉ rõ, việc quy hoạch khu đô thị, khu dân cư tập trung phải hướng tới phát triển khu đô thị sinh thái, tiết kiệm năng lượng, sử dụng NLTT. Các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển, sử dụng năng lượng sạch, NLTT; giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, phá hủy tầng ô-dôn; sản xuất, nhập khẩu, sử dụng máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông dùng NLTT là một trong những hoạt động BVMT được Nhà nước khuyến khích; Chính phủ ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông sử dụng NLTT, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, phát thải thấp hoặc không phát thải; lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường (Khoản 7 Điều 65). Các hoạt động đầu tư kinh doanh về BVMT được ưu đãi, hỗ trợ bao gồm: Doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về BVMT gồm công nghệ xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng; công nghệ tiết kiệm năng lượng; dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; dịch vụ quan trắc môi trường xung quanh; dịch vụ vận tải công cộng sử dụng năng lượng điện, nhiên liệu tái tạo; sản xuất năng lượng sạch, NLTT (Khoản 2b Điều 141); Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ môi trường trong các lĩnh vực sau đây: Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện môi trường, công nghệ môi trường; công nghệ tiết kiệm năng lượng, sản xuất năng lượng sạch, NLTT; Tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về môi trường; năng lượng sạch, NLTT, tiết kiệm năng lượng (Khoản 3 (d) và (đ) Điều 144) [1].

Khoản 1b Điều 16 Luật Đầu tư năm 2020 cũng quy định, sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng sạch, NLTT; sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng từ 30% trở lên, sản phẩm tiết kiệm năng lượng thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư [2].

Bên cạnh các văn bản luật nêu trên, cơ chế khuyến khích phát triển NLTT cũng được ghi nhận tại nhiều văn bản do Thủ tướng Chính phủ ban hành nhằm hỗ trợ phát triển dự án điện gió, hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối, hỗ trợ phát triển các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn, khuyến khích phát triển điện mặt trời.



▲ Nguồn năng lượng mới.  
Ảnh: Trần Thanh Sang

Như vậy, Việt Nam đã có một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh đối với hoạt động đầu tư, sản xuất, sử dụng NLTT. Các quy định này được ghi nhận trong các văn bản luật cũng như quyết định của Thủ tướng, Thông tư của Bộ Công thương và các Bộ, ban ngành khác có liên quan. Tuy nhiên, do các quy phạm pháp luật về NLTT còn nằm rải rác ở nhiều văn bản luật khác nhau (Luật Điện lực, Luật Đầu tư, Luật BVMT, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả) nên chưa tạo nên một chỉnh thể thống nhất trong điều chỉnh các hoạt động có liên quan nhằm phát triển NLTT. Vì vậy, cần thiết phải nghiên cứu xây dựng một hệ thống văn bản phù hợp, đảm bảo tính thống nhất trong đầu tư, khai thác, sử dụng hiệu quả NLTT. Một số gợi mở sau đây sẽ giúp Việt Nam nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về NLTT trong thời gian tới.

Một là, bài học kinh nghiệm từ việc phân tích khung pháp luật về phát triển NLTT của Cộng hòa Liên bang Đức cho thấy, để đảm bảo sự đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của khung pháp luật hiện hành, nên xây dựng một văn bản luật cụ thể quản lý hoạt động đầu tư, khai thác, quản lý và sử dụng NLTT. Trên cơ sở kế thừa những văn bản pháp luật hiện hành về cơ chế, chính sách phát triển NLTT hiện đang ghi nhận tại các văn bản luật, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan như đã phân tích ở trên, cần bổ sung và sắp xếp lại các nội dung để đưa vào dự thảo Luật về NLTT về: (1) Mục tiêu, chiến lược, nguyên tắc, quy hoạch phát triển NLTT; (2) Chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, khai thác, sử dụng NLTT; (3) Chính sách về giá đối với nguồn NLTT; (4) Quy định về lựa chọn nhà đầu tư và thủ tục đầu tư dự án điện NLTT; (5) Hợp đồng mua bán điện mẫu và cơ chế chia sẻ rủi ro cho các bên có liên quan; (6) Quy định về phát triển lưới điện và đấu nối điện; (7) Quy định về lưu trữ NLTT; (8) Quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển NLTT; (9) Quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong phát triển NLTT.

Hai là, cần nghiên cứu xây dựng chính sách tài chính nhằm tăng huy động vốn đầu tư cho phát triển

NLTT từ các nguồn tài chính tư nhân và tự tích lũy của các doanh nghiệp ngành điện thông qua các giải pháp như tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cho phát triển các dự án NLTT; tăng cường thu hút các nguồn vốn từ nước ngoài (gồm: vốn viện trợ phát triển chính thức ưu đãi, viện trợ phát triển chính thức không ưu đãi, vay thương mại nước ngoài); huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu trong và ngoài nước để đầu tư các công trình điện NLTT; nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động của các doanh nghiệp ngành điện, bảo đảm có tích lũy, đảm bảo tỷ lệ vốn tự có cho đầu tư phát triển theo yêu cầu của các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế.

Ba là, bổ sung và hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật về phát triển điện thông minh (smart power), bao gồm lưới điện thông minh (smart grid) và ứng dụng công nghệ thông tin vào ngành năng lượng điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (energy efficiency) trong nền kinh tế; đầu tư vào hệ thống lưu trữ điện năng (energy storage) phù hợp với tình hình phát triển của thị trường...■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật BVMT số 72/2020/QH14.
2. Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.
3. Luật Điện lực số 06/VBHN-VPQH.
4. Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12.
5. Doãn Hồng Nhung, Nguyễn Thanh Hải (2019), Hoàn thiện pháp luật về đầu tư năng lượng xanh, năng lượng sạch, NLTT ở Việt Nam, Tạp chí Công Thương số 18/2019, tr.37-41.
6. NLTT Việt Nam năm 2022: Các sự kiện, thành tựu và nhận diện thách thức, Tạp chí Năng lượng Việt Nam (nangluongvietnam.vn).
7. <https://iclg.com/practice-areas/renewable-energy-laws-and-regulations/germany>, truy cập ngày 7/7/2024.
8. [https://www.gesetze-im-internet.de/enwg\\_2005/](https://www.gesetze-im-internet.de/enwg_2005/), truy cập ngày 7/7/2024.
9. Luật NLTT Cộng hòa Liên bang Đức (EEG).
10. Luật Năng lượng Cộng hòa Liên bang Đức (EnWG).